TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/**2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/01/2018.
V/v tranh chấp: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Nguyễn Thị Ngọc Sương**;

2. Ông: **Nguyễn Xuân Nam**;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây;

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **PHẠM THỊ V** – sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **LÊ VĂN Q** - sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày:

Chị và anh Lê Văn Q cưới nhau vào năm 1987, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Q thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn mặc dù nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh Q vẫn không sửa đổi nên chị và anh Q đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2014 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh Q có 02 con chung tên Lê Thị Đoan Trang – sinh ngày 23/8/1989 và Lê Thị Ngọc My – sinh ngày 30/4/1995, hiện các cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

***** Bị đơn anh Lê Văn Q vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Phạm Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lê Văn Q vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[2] Xét bị đơn anh Lê Văn Q mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên hòa giải và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q cưới nhau vào năm 1987, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Q thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn mặc dù nhiều lần chị V khuyên ngăn nhưng anh Q vẫn không sửa đổi nên chị và anh Q đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2014 cho đến nay. Nay chị V xin được ly hôn với anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Q không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh Q đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Q vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị V. Điều đó cho thấy anh Q không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến vợ và con. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Phạm Thị V.

[4] Về con chung: Chị V khai có 02 con chung tên Lê Thị Đoan Trang – sinh ngày 23/8/1989 và Lê Thị Ngọc My – sinh ngày 30/4/1995. Xét cháu Trang và cháu My hiện đã trưởng thành, chị V cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo qui định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V. Chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Lê Văn Q.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí HNST, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 38876 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên chị V đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cao Tuấn